TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-PT
Ngày 10/3/2020
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quốc Thành.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Phương Thanh.

Bà Lê Thị Thủy.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Bảo Yến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2020/TLPT-DS ngày 03/01/2020 về "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS - ST ngày 13/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2020/QĐ-PT ngày 31/01/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐ-PT ngày 24/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:*Bà Hồ Thị P**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung Khang - Luật sư Văn phòng Luật sư An Khang Thọ Xuân.

Địa chỉ: Phố Neo, xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

** Bị đơn:***Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt, có ủy quyền).

** Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn T*: Ông Nguyễn Văn Trọng, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn Thao, sinh năm 1961 (Vắng mặt, có ủy quyền).

Địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

(Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn Thao: Bà Hồ Thị P, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa).

+ Ông Nguyễn Văn Trọng, sinh năm 1960 (Có mặt).

+ Bà Trần Thị Hồng sinh năm 1962 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

* *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Hồ Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2019 nguyên đơn bà Hồ Thị P trình bày:*

Do có sự quen biết giữa gia đình bà P và gia đình bà Hồng ở cùng thôn. Gia đình bà làm kinh doanh hàng tạp hoá, vì thiếu thốn vốn nên phải vay tiền của vợ chồng bà Hồng. Các lần vay cụ thể:

Lần 1 vào ngày 10/08/2017 vay số tiền 300.000.000 đồng;

Lần 2 vào ngày 08/10/2017 vay số tiền 300.000.000 đồng.

Tổng cộng vay 2 lần là 600.000.000 đồng. Ông Thao là người trực tiếp đi nhận tiền vay, đều ký vào sổ do bà Hồng quản lý; hai bên có thoả thuận lãi suất là 700đ/1 triệu/1 ngày (tức 2,1%/tháng).

Sau khi vay tiền, bà Hồng là người trực tiếp đến lấy nợ, bà đã trả cho bà Hồng cụ thể:

Lần 1 ngày 10/10/2017 trả 200.000.000 đồng (bà Hồng nhận).

Lần 2 ngày 18/10/2017 trả 100.000.000 đồng (bà Hồng nhận).

Lần 3 ngày 28/10/2017 trả 100.000.000 đồng (bà Hồng nhận).

Lần 4 ngày 28/11/2017 trả 80.000.000 đồng (bà Hồng nhận).

Lần 5 ngày 20/12/2017 trả 50.000.000 đồng (bà Hồng nhận).

Lần 6 ngày 24/12/2017 trả 40.000.000 đồng (bà Hồng nhận).

Lần 7 ngày 25/12/2017 trả 30.000.000 đồng (bà Hồng nhận).

Như vậy tính đến ngày 25/12/2017 vợ chồng bà đã thanh toán xong tiền nợ gốc là 600.000.000đ, nhưng vào tối ngày 28/12/2017 anh Nguyễn Văn T (là con trai bà Hồng, ông Trọng) lại đến nhà đòi tiếp số tiền 180.000.000đ, không có giấy tờ gì kèm theo. Vì công việc kinh doanh ngày tết quá bận rộn, vợ chồng bà không có thời gian kiểm tra lại số tiền đã trả nợ và bị vợ chồng bà Hồng thúc ép, nên vợ chồng bà đã đưa cho anh T số tiền 180.000.000đ để trả nợ cho vợ chồng bà Hồng. Toàn bộ số tiền lãi vợ chồng bà đã thanh toán xong. Sau đó do gia đình gặp nhiều khó khăn, hoạn nạn vợ chồng bà không có thời gian và tỉnh táo để đối chiếu sổ sách với vợ chồng bà Hồng, đến cuối tháng giêng năm 2019 vợ chồng bà kiểm tra lại mới phát hiện trả thừa 180.000.000đ, nhưng vợ chồng

bà Hồng không chấp nhận. Nay bà đề nghị Toà án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn T cùng vợ chồng bà Trần Thị Hồng, ông Nguyễn Văn Trọng có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng bà số tiền 180.000.000đ.

** Tại đơn khởi kiện (sửa đổi bổ sung), các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, bà Hồ Thị P trình bày:*

Trong năm 2017 âm lịch (ÂL), vợ chồng bà có vay mượn tiền của vợ chồng bà Hồng 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 10/8/2017 (ÂL) vợ chồng bà vay nợ vợ chồng bà Hồng 400.000.000đ, bà P hỏi vay và ông Thao là người trực tiếp nhận tiền. Bà đã trả lần vay này cho vợ chồng bà Hồng, cụ thể:

Ngày 10/10/2017 (ÂL) trả 200.000.000 đ (Phượng trả, bà Hồng nhận).

Ngày 18/10/2017 (ÂL) trả 100.000.000đ (Phượng trả, bà Hồng nhận).

Ngày 28/10/2017 (ÂL) trả 100.000.000đ (Phượng trả, bà Hồng nhận).

Như vậy đến ngày 28/10/2017 (ÂL) vợ chồng bà đã trả hết số tiền vay lần 1 là 400.000.000đ.

Lần 2: Vào ngày 10/12/2017 (ÂL) do cần tiền mua hàng bán vào dịp tết nguyên đán, nên vợ chồng bà lại vay của vợ chồng bà Hồng là 200.000.000đ. Đã trả nợ các ngày, cụ thể:

Ngày 18/12/2017 (ÂL) trả 80.000.000đ (bà P trả, bà Hồng nhận).

Ngày 20/12/2017 (ÂL) trả 50.000.000đ (bà P trả, bà Hồng nhận).

Ngày 24/12/2017 (ÂL) trả 40.000.000đ (bà P trả, bà Hồng nhận).

Ngày 25/12/2017 (ÂL) trả 30.000.000đ (bà P trả, bà Hồng nhận).

Như vậy đến ngày 25/12/2017 (ÂL) vợ chồng bà đã trả hết toàn bộ số tiền nợ cho vợ chồng bà Hồng. Các lần bà trả nợ thì bà Hồng đều có ghi nhận tiền vào sổ của bà.

Nhưng vào ngày 28/12/2017 (ÂL) anh T là con trai bà Hồng lại đến nhà đòi tiếp số tiền 180.000.000đ, không có giấy tờ gì đem theo như tại đơn khởi kiện ban đầu bà trình bầy.

Đến ngày 29/12/2017 (ÂL) thì bà Hồng đến nhà đòi thanh toán tiền lãi của 02 lần vay, bà có đưa sổ cho bà Hồng tính và ghi vào sổ của bà, bà Hồng tự ghi và tự tính; bà đã thanh toán xong cho bà Hồng toàn bộ số tiền lãi theo lãi suất hai bên thoả thuận là 2,1%/ tháng và tiền hàng hương mua của bà Hồng.

** Tại bản tự khai ngày 07/10/2019, anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Vào ngày 28/12/2017 (ÂL) bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn Trọng và bà Trần Thị Hồng bảo anh xuống nhà cô chú Phượng Thao lấy tiền; cô chú Phượng Thao đã đưa cho anh số tiền 180.000.000 đồng, anh đã ghi và ký vào sổ của cô chú Phượng Thao. Về nhà anh đã đưa lại số tiền này cho bố mẹ anh. Việc vay mượn tiền giữa cô chú Phượng Thao và bố mẹ anh, anh hoàn toàn không biết gì.

** Tại bản tự khai ngày 05/8/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Trọng và bà Trần Thị Hồng trình bày:*

Vào cuối năm 2017 (ÂL), vợ chồng ông bà có cho vợ chồng ông Thao, bà P vay tổng số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất thoả thuận là 700 đồng/1 triệu/1 ngày. Việc vay, trả tiền được tính và ghi chép sổ sách theo ngày âm lịch. Quá trình vay tiền, trả tiền cụ thể như sau:

Lần 1 ngày 10/10/2017 (ÂL) cho vay 400.000.000đ (bà P gọi điện hỏi vay, còn ông Thao đến lấy tiền).

Lần 2 ngày 18/10/2017 (ÂL) cho vay 200.000.000đ, (bà P gọi điện hỏi vay, còn ông Thao đến lấy tiền). Tổng hai lần vay là 600.000.000đ

Sau khi vay, đến tháng 12/2017 (ÂL) ông Thao, bà P mới bắt đầu trả gốc và lãi, cụ thể:

Ngày 10/12/2017 (ÂL) trả 200.000.000đ (Tiền vay từ ngày10/10/2017 (ÂL);

Ngày 18/12/2017 (ÂL) trả 100.000.000đ (Tiền vay từ ngày 18/10/2017 (ÂL);

Ngày 20/12/2017 (ÂL) trả 50.000.000đ (Tiền vay từ ngày 10/10/2017 (ÂL).

Ngày 24/12/2017 (ÂL) trả 40.000.000đ (Tiền vay từ ngày 10/10/2017 (ÂL).

Ngày 25/12/2017 (ÂL) trả 30.000.000đ (Tiền vay từ ngày 10/10/2017 (ÂL).

Ngày 28/12/2017 (ÂL) ông bà bảo anh T xuống nhà bà P lấy 180.000.000đ tiền gốc còn lại. Số tiền này ông bà xác nhận anh T đã đưa lại cho vợ chồng ông bà.

Như vậy là ông bà đã lấy đủ số tiền gốc 600.000.000đ. Đến ngày 29/12/2017 bà Hồng sang nhà bà P để đối chiếu lại tiền vay nợ với bà Hồng và tính toán lãi, khi tính toán lãi bà Hồng có thống kê lại số tiền vay, số tiền trả cho các lần vay, trong đó bà Hồng có tách khoản tiền 180.000.000đ anh T đã nhận thành 2 khoản 100.000.000đ và 80.000.000đ để tính toán lãi cho 2 khoản vay 400.000.000đ và 200.000.000đ vào các ngày vay tiền khác nhau. Sau khi hai bên thanh toán xong nợ, ông bà đã huỷ quyển sổ ghi chép việc vay tiền nên không còn để xuất trình cho Toà án. Ông bà khẳng định việc bà P khởi kiện đòi số tiền 180.000.000đ là không có căn cứ, nên ông bà không chấp nhận.

Tại bản án số 40/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Thọ Xuân đã quyết định áp dụng: Điều 158; Điều 163; Điều 164 và 466 BLDS. Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hồ Thị P về yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Trọng và bà Trần Thị Hồng phải trả lại 180.000.000đ là số tiền trả nợ thừa.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 26/11/2019, nguyên đơn bà Hồ Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án số 40/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* *Quan điểm của Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn*: Cho rằng việc bà P vay tiền của vợ chồng bà Hồng, ông Trọng và bà P cũng đã trả đủ tiền gốc và lãi cho vợ chồng bà Hồng là đúng thực tế. Các lần vay và trả nợ đều ghi trong sổ của bà Hồng. Vì trả nhiều lần nên bà P không nhớ nên tối 28/12/2017 (ÂL) đã trả thừa 180.000.000đ cho anh T (Con ông Trọng, bà Hồng), anh T có ghi nhận tiền vào sổ của bà P. Việc bà P trả thừa là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét chấp nhận đơn khởi kiện cũng như kháng cáo của bà Hồ Thị P.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:*

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm thấy rằng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng (BLTTDS) dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX): Tại phiên tòa hôm nay HĐXX phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự cũng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] *Xét về quan hệ pháp luật*: Gia đình ông Nguyễn Văn Trọng và bà Trần Thị Hồng có cho bà Hồ Thị P vay tiền nhiều lần, tổng là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), lãi suất 700đ/1 triệu/1 ngày. Bà P cũng đã trả tiền gốc và lãi cho gia đình ông Trọng, bà Hồng thành nhiều lần. Bà P cho rằng bà đã trả thừa tiền cho gia đình ông Trọng 180.000.000đ (Một trăm, tám mươi triệu đồng) nên bà đã đòi lại nhưng gia đình ông Trọng, bà Hồng không thừa nhận. Bà P khởi kiện ra Tòa án đòi lại số tiền đã trả thừa. Đây là "Tranh chấp đòi lại tài sản" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tính hợp pháp của kháng cáo*: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/11/2019 nguyên đơn bà Hồ Thị P đã nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng

án phí phúc thẩm theo đúng quy định. Kháng cáo của bà P được làm trong thời hạn luật định nên đủ căn cứ để xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3]. *Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị P:*

[3.1] Do có mối quan hệ quen biết nên gia đình bà Hồng, ông Trọng đã cho gia đình bà P, ông Thao vay tiền để làm ăn buôn bán, tổng số tiền vay trong hai lần là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), (lần 1 vay 400.000.000đ, lần 2 vay 200.000.000đ). Hai bên không thống nhất được ngày cụ thể của từng lần vay, không suất trình được các giấy vay nợ gốc. Bà P khai vay lần 1 vào ngày 10/8/2017 (ÂL), lần 2 vào ngày 10/12/2017(ÂL). Bà Hồng khẳng định cho vay lần 1 là ngày 10/10/2017 (ÂL) lần 2 là ngày 18/10/2017 (AL).

Tài liệu chứng cứ là "Quyển sổ mua hàng" do bà P xuất trình trong đó có 04 trang thể hiện nội dung ghi chép, tích kê tính lãi và ghi chép việc trả nợ gốc và lãi giữa gia đình bà P và bà Hồng (Chữ viết của bà Hồng, các bên đều thừa nhận). Tổng số tiền gốc đã trả là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) khớp với số tiền vay các bên đã thừa nhận. Tại dòng thứ nhất và thứ 1 (BL07) thể hiện hai ngày vay là ngày 10/10 và ngày 18/10, các dòng tiếp theo không thể hiện tháng cụ thể nhưng cũng đều thể hiện ngày vay là 18 và ngày 10, không có dòng nào thể hiện khoản vay nào vào ngày 10/12 như bà P trình bầy.

[3.2] Bà P cho rằng vào các ngày 10/10, 18/10 và 28/10 bà đã trả hết số tiền gốc 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) của khoản vay ngày 10/8/2017 cho bà Hồng nhưng bà không xuất trình được các giấy biên nhận của bà Hồng đối với các lần trả nợ trên. Mặt khác tại sổ mua hàng cũng chỉ thể hiện ngày 11/12 bà P mới bắt đầu trả lãi cho bà Hồng, đến ngày 14/12 bà P đã trả được 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tiền lãi, ngày 20/12 (AL) bà P mới bắt đầu trả gốc cho bà Hồng là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Bà P cho rằng ngày 10/12/2017 bà mới vay bà Hồng lần hai số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), đến ngày 18/12 bà đã bắt đầu trả số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) đến ngày 28/12 bà đã trả hết số nợ gốc cho bà Hồng. Tuy nhiên đến tối ngày 28/12 tức chỉ sau đó 3 ngày anh T đến lấy 180.000.000đ (Một trăm, tám mươi triệu đồng) là một số tiền lớn bà cũng đồng ý đưa mà không có thắc mắc gì. Phía trên phần anh T viết biên nhận là phần biên nhận của bà Hồng, về các lần bà P trả nợ gốc thì bà P phải biết mình đã trả được bao nhiêu. Tuy nhiên khi anh T đến đòi số tiền lớn như vậy bà không có sự nghi ngờ gì mà vẫn lấy tiền đưa cho anh T. Điều này thể hiện bản thân bà P không nắm rõ được việc vay và trả nợ của mình đối với số tiền mình vay của bà Hồng như thế nào. Như vậy có đủ cơ sở đẻ khẳng định trước khi vay nợ lần 2 bà P chưa trả nợ gốc và lãi của lần vay đầu tiên cho bà Hồng.

[3.3]. Tại dòng thứ 3 và thứ 4 (Sổ mua hàng - BL số 07) thể hiện khoản 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và khoản 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) đều được trả vào ngày 28, theo ông Trọng đó chính là số tiền anh T đã nhận từ bà P vào tối ngày 28/12, khi tính lãi bà Hồng đã tách ra làm 2 khoản để tính lãi cho hai khoản vay vào ngày 10/10 và ngày 18/10. Điều này cũng phù hợp với lời khai của anh T. Anh thừa nhận tối ngày 28/12 anh có xuống nhà bà P lấy số tiền 180.000.000đ (Một trăm, tám mươi triệu đồng), anh đã đưa lại cho

bố mẹ anh. Bản thân anh không biết gì về việc vay, nợ nần giữa bố mẹ anh và vợ chồng bà P, ông Thao. Bà Hồng, ông Trọng cũng thừa nhận anh T đã đưa số tiền 180.000.000đ (Một trăm, tám mươi triệu đồng) lấy từ bà P cho ông bà. Như vậy việc bà P yêu cầu anh T phải trả lại toàn bộ số tiền 180.000.000đ (Một trăm, tám mươi triệu đồng) là không có có sở chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn đơn bà Hồ Thị P cũng như quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

[5] *Về án phí*: Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Hồ Thị P phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị P. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Án phí phúc thẩm dân sự: Áp dụng Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Hồ Thị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0004782 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND cấp cao HN;
- VKSND cấp cao HN;
- TAND, VKSND huyệnThọ Xuân;
- Chi cục THA DS huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Quốc Thành